

Bản án số: 28/2019/HNGĐ - ST
Ngày 10/9/2019
*V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng
con chung khi ly hôn "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Như Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đỗ Ngọc Sơn

2. Ông: Nguyễn Công Chiêu

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiên Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST - HNGĐ ngày 23/8/2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

2- Bị đơn: Anh Phạm Văn B.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt tại phiên tòa (Lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2019 và các bản tự khai của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 30/01/2008. Sau ngày kết hôn, vợ chồng về chung sống, hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng

quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được gia đình, anh em khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không quan tâm thăm hỏi gì nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Nguyễn Thị T có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Đối với anh Phạm Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bản thân anh đã có bản tự khai và anh cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, bản thân anh không quan tâm đến gia đình vợ con nhưng anh không nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị T với lý do tình cảm vợ chồng vẫn còn khả năng khắc phục mâu thuẫn, anh có yêu cầu xin được đoàn tụ để vợ chồng bảo ban nhau làm ăn nuôi dạy con cái.

Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B đều xác nhận anh, chị chung sống với nhau đến nay đã có 03 con chung.

Cháu lớn: Phạm Thị Hải A - Sinh ngày: 23/02/2009;

Cháu thứ hai: Phạm Đình Hải N - Sinh ngày: 17/12/2011;

Cháu thứ 3: Phạm Hải L - Sinh ngày: 23/6/2017.

Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện tại cháu Phạm Thị Hải A và cháu Phạm Đình Hải N đang ở cùng với anh Phạm Văn B tại gia đình ông bà nội ở Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Cháu Phạm Hải L hiện đang ở cùng với chị Nguyễn Thị T tại gia đình ông bà ngoại ở thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị T có yêu cầu và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Phạm Hải L và để anh Phạm Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Phạm Thị Hải A và cháu Phạm Đình Hải N cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Phạm Văn B cũng nhất trí về việc nuôi dưỡng con chung theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T nếu phải ly hôn. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung, nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Trình bày những quan điểm về thủ tục tố tụng tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật cố tình trốn tránh gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các biện pháp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Xử Giao cháu Phạm Hải L - Sinh ngày: 23/6/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Giao cháu Phạm Thị Hải A - Sinh ngày: 23/02/2009 và cháu Phạm Đình Hải N - Sinh ngày: 17/12/2011 cho anh Phạm Văn B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 30/01/2008. Đây là một hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị Nguyễn Thị T làm đơn xin ly hôn anh Phạm Văn B là do quan điểm, cách sống của vợ chồng

không thống nhất với nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn anh, chị đã được hai bên gia đình, anh em bạn bè tham gia khuyên giải nhưng đều không kết quả. Mặt khác anh, chị đã tự sống ly thân nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không quan tâm, thăm hỏi gì đến nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn ngày 28/3/2019 chị Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn B vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Phạm Văn B đã có bản tự khai anh cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, bản thân anh không quan tâm đến gia đình vợ con. Đến nay chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn với lý do tình cảm vợ chồng vẫn còn khả năng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng về đoàn tụ làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái.

Tại phiên tòa hôm nay xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với các quy định tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình. Bởi lẽ mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác bản thân anh Phạm Văn B có yêu cầu xin được đoàn tụ để vợ chồng bảo ban nhau làm ăn, tạo dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái, nhưng bản thân anh không những không có biện pháp nào để khắc phục, cải thiện mâu thuẫn mà thậm trí còn để cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nên hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B đều xác nhận anh, chị chung sống với nhau đến nay đã có 03 con chung.

Cháu lớn: Cháu lớn: Phạm Thị Hải A - Sinh ngày: 23/02/2009;

Cháu thứ hai: Phạm Đình Hải N - Sinh ngày: 17/12/2011;

Cháu thứ 3: Phạm Hải L - Sinh ngày: 23/6/2017.

Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện tại cháu Phạm Thị Hải A và cháu Phạm Đình Hải N đang ở cùng với anh Phạm Văn B tại gia đình ông bà nội ở Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Cháu Phạm Hải L hiện đang ở cùng với chị Nguyễn Thị T tại gia đình ông bà ngoại ở thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị T có yêu cầu và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Phạm Hải L và để anh Phạm Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Phạm Thị Hải A và cháu Phạm Đình Hải N cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2019 của anh Phạm Văn B thì bản thân anh cũng nhất trí để chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Hải L và để anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Phạm Thị Hải A và cháu Phạm Đình Hải N cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc nuôi dưỡng con chung là có căn cứ. Bởi lẽ kể từ khi anh chị sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 thì cháu Phạm Hải L được chị Nguyễn Thị T chăm sóc nuôi dưỡng còn các cháu Phạm Thị Hải A và cháu Phạm Đình Hải N đều ở với anh Phạm Văn B tại gia đình ông, bà nội và được anh Phạm Văn B vẫn chăm sóc nuôi dưỡng các cháu được ăn học và phát triển bình thường. Mặt khác anh, chị đều có mức thu nhập ổn định, do vậy anh, chị đều có đủ điều kiện và khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng các con, đảm bảo sự ổn định cho các cháu về tâm lý cũng như trong sinh hoạt và quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc nuôi dưỡng con chung và giao cháu Phạm Hải L cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; Giao cháu Phạm Thị Hải A và cháu Phạm Đình Hải N cho anh Phạm Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với tâm tư nguyện vọng của các cháu và phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] Về tài sản chung:

Tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung, nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về công nợ chung:

Tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với vụ án này trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để tòa án tiến hành hòa giải cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh Phạm Văn B không những không ký biên bản hòa giải của Tòa án với lý do anh không nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị T mà thậm chí anh không chấp hành theo yêu cầu của Tòa án, thường xuyên vắng mặt không có lý do, cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

[5]. Về án phí:

Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Phạm Văn B.

2.Về con chung: Xử giao cháu Phạm Hải L - Sinh ngày: 23/6/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Phạm Thị Hải A - Sinh ngày: 23/02/2009 và cháu: Phạm Đình Hải N - Sinh ngày: 17/12/2011 cho anh Phạm Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0007925 ngày 01/4/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B.

Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện B(2);
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS – TA - VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Phạm Như Long

